TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2025/HSST Ngày: 15-01-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga.

Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Nguyễn Thị Bắc.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15-01-2025, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 264/2024/TLST-HS ngày 18-12-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HS ngày 26-12-2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 49/2025/TB-TA ngày 08-01-2025 đối với bị cáo:

TRỊNH NGỌC D (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 11-3-1993 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: 64/15 Nguyễn Thái Học, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1956, con bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1967; gia đình bị cáo có 2 chị em, bị cáo là con nhỏ; vợ là Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1995; bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-9-2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1956. Có mặt.
- Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1995. Có mặt.

Cùng địa chỉ: 64/15 Nguyễn Thái H, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai

* Người chứng kiến: Anh Đặng Văn Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Ngọc D sử dụng trái phép chất ma túy (loại Methamphetamine) từ khoảng thời gian tháng 12/2020. Khoảng 14 giờ ngày 19/9/2024, D ngồi uống cà phê tại vỉa hè đường Nguyễn Thái H, phường H, thành phố Pleiku thì gặp 01 thanh niên giới thiệu tên là M (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua nói chuyện M nói có bán ma túy nên D hỏi mua thì Măng đồng ý và hẹn gặp tại khu vực chợ nhỏ, đường Phùng H, phường H, thành phố Pleiku. Khoảng 20 giờ cùng ngày, D đi bộ từ nhà tại số 64/15 đường Nguyễn Thái H, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai đến điểm hẹn, và đã mua của M 10 gói ma tuý, loại Methamphetamine với giá 1.800.000 đồng, rồi đi bộ về lại nhà của D. Tại nhà, D đã lấy một ít ma túy từ một gói ma túy đã mua để sử dụng. Toàn bộ số ma túy còn lại, D cất giấu trong hộc tủ quần áo trong phòng ngủ, với mục đích để sử dụng dần; còn dụng cụ sử dụng ma túy thì D cất giấu dưới gầm giường. Đến 14 giờ ngày 23/9/2024, khi Trịnh Ngọc D đang ở nhà tại số 64/15 đường Nguyễn Thái H, Tổ 3, thành phố P thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp Công an phường Hội Thương, kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng, gồm: 01 túi nilon dạng túi kít bên trong có 10 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong ghi số 01); 01 bình nhựa màu trắng, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu phình to dạng phễu bên trong có bám dính chất màu trắng nâu (được niêm phong ghi số 02); 01 ống hút nhựa màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xám tro cùng sim số đã qua sử dụng (mặt sau sim số có dãy số 8984048000014576938); 530.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tiến hành xét nghiệm, xác định: Trịnh Ngọc D dương tính với ma túy, loại Methamphemine.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 880/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai kết luận:"Toàn bộ chất màu trắng, dạng tinh thể trong 10 (mười) gói nilon trong bì công văn ghi số "01" gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,0492 gam. Chất màu trắng, nâu bám dính trong 01 (một) ống thủy tinh, có một đầu uốn cong và phình to trong bì công văn ghi "số 2" gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng".

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xám tro và 530.000 đồng là tài sản của cá nhân bị cáo D, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án, gồm:

+ Chất ma túy còn lại sau giám định và 01 ống thủy tinh, có một đầu uốn cong phình to và vỏ bao gói, trong 02 bì công văn ghi số 880/PC09 ngày 02/10/2024, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai;

+ 01 ống hút nhựa màu xanh;

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xám tro cùng sim số đã qua sử dụng (mặt sim số có dãy số 8984048000014576938);

+ 530.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku ra quyết định đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển các vật chứng trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku để quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và truy tố vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo".

Tại cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 18/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trịnh Ngọc D tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Lời nói sau cùng, bị cáo thấy hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc D 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-9-2024.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn được niêm phong bên trong có chứa ma túy cùng 01 ống hút nhựa; trả cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Realme và số tiền 530.000 đồng thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, kết luận giám định về chất ma túy và các tài liệu khác trong hồ sơ của vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 19/9/2024, Trịnh Ngọc D đã mua của đối tượng tên Măng (không rõ nhân thân, lai lịch) 10 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, với giá 1.800.000 đồng sau đó mang về nhà tại số 64/15 đường Nguyễn Thái Học, tổ 3, thành phố Pleiku sử dụng một ít; số ma túy còn lại, D cất giấu trong hộc tủ quần áo với mục đích để sử dụng. Đến 14 giờ ngày 23-9-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Pleiku phối hợp với Công an phường Hội Thương, thành phố Pleiku kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy D cất giấu gồm 01 túi nilon dạng túi kít bên trong có 10 gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 bình nhựa màu trắng có gắn 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu phình to dạng phễu bên trong có bám dính chất màu trắng nâu; 01 ống hút nhựa màu xanh; 01 điện thoại di động và số tiền 530.000 đồng.

Kết luận giám định số 880/KL-KTHS ngày 02-10-2024 của phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: "Chất màu trắng dạng tinh thể trong 10 gói nilon là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,0492 gam; chất màu trắng bám dính trong 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu phình to dạng phễu là ma túy loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng".

Hành vi tàng trữ trái phép 1,0492 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng của Trịnh Ngọc D đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung "Methamphetamine ....có khối lượng 0,1 gam đến dưới 05 gam" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bản thân mà còn gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma tuý của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu trật tự trị an xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân làm phát sinh tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong khung hình phạt mà điều luật quy định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động và 530.000 đồng thu giữ của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo.

Đối với 02 phong bì được niêm phong bên trong có chứa ma túy và 01 ống hút nhựa, liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về những vấn đề khác trong vụ án:

Đối với đối tượng tên M, là người bán ma túy cho bị cáo: Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, không lấy được lời khai; ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu chứng cứ chứng minh do đó không có căn cứ để điều tra, mở rộng vụ án. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với ông Trịnh Văn H là cha của bị cáo và chị Nguyễn Thị Lệ T, là vợ của bị cáo: Việc bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng ông H và chị T không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc D **18** (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-9-2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn dán kín ghi số 880/PC09 ngày 02-10-2024 được đánh số 01 và 02, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (có chữ ký họ và tên Phạm Thế Dũng, Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Thành Long) và 01 ống hút nhựa màu xanh.

Trả cho bị cáo Trịnh Ngọc D 01 điện thoại nhãn hiệu Realme màu xám tro kèm sim số (mặt sau sim có dãy số 8984 0480 0001 4576 938) và số tiền 530.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 42 ngày 27-12-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, NTGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nga